

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 20-7-2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung

2. Ông Hoàng Sỹ Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 375/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019 về việc: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXX - ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Ngọc V sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 79, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Xuân D sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số 442 Nguyễn Thị Minh K, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ, chức vụ: Giám đốc Phòng xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019.

Người đại diện tham gia tố tụng: Anh Đào Hoàng N, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP A. Theo văn bản ủy quyền số 279/UQ-QLN.20 ngày 30/3/2020.

(Anh V có mặt còn chị D và anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Ngọc V trình bày: Anh và chị D xây dựng gia đình với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau do tình cảm không còn. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị D nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D, Về con chung: anh V xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hữu Hoài Na, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Hoài Nam Ph, sinh ngày 26/7/2010. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh V xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh V xác định quá trình chung sống có nợ Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đ 300.000.000đồng nhưng ngày 09/01/2020 anh đã trả cho Ngân hàng 150.000.000đồng, vì vậy hiện nay còn nợ Ngân hàng 150.000.000đồng. Khi ly hôn anh V nhận trách nhiệm sẽ trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng, không yêu cầu chị D phải trả.

Bị đơn chị Bùi Thị Xuân D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như kết quả phiên họp... nhưng chị D đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh V. Đồng thời, chị D không xuất trình tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D vắng mặt nên không hòa giải được và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho chị D nhưng chị D không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V, xử cho anh V được ly hôn với chị D. Về con chung đề nghị giao cả hai con chung là Nguyễn Hữu Hoài Na và Nguyễn Hoài Nam Ph cho anh V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc anh V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Bùi Thị Xuân D, đại diện tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt chị D, anh N theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị D xây dựng gia đình với nhau năm 2006 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/7/2006. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên anh V làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ trước năm 2016 nhưng vợ chồng vẫn cố gắng tiếp tục chung sống để cùng lo cho con nhưng đến năm 2016 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì chị D lại bỏ nhà đi, hiện nay chị D đang chung sống với người đàn ông khác tại xã Phú Sơn. Vì vậy, anh V xác định không còn tình cảm với chị D nên anh giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn chị D vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị D phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm cả hai vợ chồng không tìm được biện pháp để cải thiện nên đã tự sống ly thân từ năm 2016 không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, điều này cũng chứng tỏ chị D không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh V. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V, xử cho anh V và chị D được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh V và chị D có hai con chung là Nguyễn Hữu Hoài Na, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Hoài Nam Ph, sinh ngày 26/7/2010. Khi ly hôn anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nam và cháu Phương đều đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở cùng anh V, từ khi vợ chồng ly thân thì các cháu vẫn sống cùng với anh V. Do đó để đảm bảo tâm lý ổn định cho trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con là Nguyễn Hữu Hoài Na, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Hoài Nam Ph, sinh ngày 26/7/2010 cho anh V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh V xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về nợ chung: Anh V xác định quá trình chung sống có nợ Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đ số tiền 300.000.000đồng. Ngày 09/01/2020 anh đã trả cho Ngân hàng 150.000.000đồng, hiện nay còn nợ 150.000.000đồng, khi ly hôn anh nhận sẽ có trách nhiệm trả số nợ trên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Ngày 27/4/2020 Tòa án nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông Đào Hoàng N là người đại diện tham gia tổ tụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A với nội dung Ngân hàng sẽ tự thỏa thuận giải quyết số nợ trên với anh V chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về phần nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này anh V, chị D và Ngân hàng có phát sinh tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu Ngọc V, xử cho anh Nguyễn Hữu Ngọc V và chị Bùi Thị Xuân D được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con cả hai con là Nguyễn Hữu Hoài Na, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Hoài Nam Ph, sinh ngày 26/7/2010 cho anh Nguyễn Hữu Ngọc V có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Bùi Thị Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Ngọc V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp

là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007054 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh V đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (20/7/2020), còn bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã H, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh